

Bản án số: **63/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 13-11-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Thanh
2. Ông Trần Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2019/TLST-HNGĐ ngày 05-8-2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đoàn Thị D**, sinh năm 1974 (Có mặt)
2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05/7/2019, biên bản lấy lời khai ngày 18/9/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Đoàn Thị D trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn P chung sống với nhau năm 1992, đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/01/2012. Cuộc sống vợ thật sự hạnh phúc chỉ được khoảng 05 đến 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông P thường xuyên ăn nhậu, ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường hay cãi nhau, trong lúc cãi nhau ông P

có dùng tay, cây đánh vào người của bà, vì thương con nên bà cố gắng nhẫn nhịn tiếp tục chung sống. Đến khoảng năm 2013 vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nên đã thật sự ly thân nhau từ đó đến nay. Sau khi ly thân bà và ông P không còn liên lạc gì với nhau.

Về con: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Hồng C, sinh năm 1992, Nguyễn Thị Mỹ X, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 24/9/2003.

Về tài sản: Vợ chồng không tranh chấp.

Về nợ: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với ông Nguyễn Văn P;

- Về quan hệ con chung: Yêu cầu nuôi Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 24/9/2003, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con cùng bà sau khi vợ chồng ly hôn. Vì hiện tại bà đang làm thuê, thu nhập ổn định mỗi tháng 6.000.000 đồng nên đủ điều kiện để nuôi con. Đối với hai con tên Nguyễn Hồng C, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Mỹ X, sinh năm 1994 đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn bà Đoàn Thị D vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn P vắng mặt lần thứ hai, không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo P luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn bà Đoàn Thị D trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của P luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn P trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của P luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử;

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về hôn nhân, cho bà Đoàn Thị D ly hôn ông Nguyễn Văn P; về nuôi con chung, giao Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 24/9/2003 là con chung của hai người cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông P không cấp dưỡng nuôi con cùng bà

D, còn đối với Nguyễn Hồng C, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Mỹ X, sinh năm 1994 đã thành niên, đủ 18 tuổi tự lao động sinh sống được và nguyên đơn, bị đơn không tranh chấp, yêu cầu gì nên không xem xét; về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung: Không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo cho bị đơn ông Nguyễn Văn P biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện *“ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* của nguyên đơn bà Đoàn Thị D. Nhưng bị đơn ông P không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp P của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của P luật. Sau đó, Tòa án tiến hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông P, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn ông P vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: *“Bị đơn,.....đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt”*.

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn ông Nguyễn Văn P, nhưng bị đơn ông P vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa để mở phiên tòa xét xử lần thứ hai đã được tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông P, nhưng bị đơn ông P vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà D không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Bà Đoàn Thị D và ông Nguyễn Văn P tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/01/2012. Quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông P là hôn nhân hợp P phù hợp theo qui định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Đoàn Thị D thấy rằng: Theo bà D trình bày cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do ông P thường xuyên ăn nhậu, ghen tuông vô cớ dẫn đến đời sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, trong lúc cãi nhau ông P có đánh bà D bằng tay, bằng cây làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được và thực tế vợ chồng đã thật sự ly thân nhau một thời gian dài từ năm 2013

đến nay, từ khi ly thân đến thời điểm này thì cả hai bên bà D và ông P không còn thể hiện sự quan tâm đến nhau.

Qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thì tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của bà D và ông P ngoài lý do nêu trên thì cả bà D và ông P đều có mối quan hệ tình cảm với người khác bên ngoài và hai bên đã thật sự ly thân nhau từ năm 2013 đến nay (Bút lục số 36).

Từ những phân tích, đánh giá trên cho thấy cả bà D và ông P đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mối quan hệ hôn nhân giữa hai bên không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D đối với ông P theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nuôi con chung: Theo bà D, vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Hồng C, sinh năm 1992, Nguyễn Thị Mỹ X, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 24/9/2003. Khi gửi đơn khởi kiện và được Tòa án thụ lý bà thể hiện ý kiến giao cho ông P trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 24/9/2003, bà không cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn. Đối với hai con tên Nguyễn Hồng C, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Mỹ X, sinh năm 1994 đã lớn sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, đến ngày 18/9/2019 bà có đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu được trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 24/9/2003, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn. Đồng thời, nội dung này cũng đã được Tòa án nêu rõ trong thông báo thụ lý vụ án, thông báo thay đổi yêu cầu của nguyên đơn bà D và đã tổng đạt hợp lệ cho ông P, nhưng ông P vẫn không có ý kiến phản bác gì đối với ý kiến của bà D nêu ra và cũng không có yêu cầu gì khác. Đồng thời, cháu Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 24/9/2003 cũng đã có văn bản thể hiện ý kiến sau khi cha mẹ (bà D, ông P) ly hôn có nguyện vọng được sống chung với bà D. Việc bà D không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con cùng bà sau khi vợ chồng ly hôn là tự nguyện, hơn nữa theo ý kiến của bà D nêu ra thì hiện nay bà có nghề nghiệp và có thu nhập ổn định nên có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung, do đó ông P không phải cấp dưỡng nuôi con cùng bà D. Vì vậy, xét yêu cầu được nuôi con của bà D là phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Mỹ H và theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu của bà D, giao cháu Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 24/9/2003 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng sau khi bà và ông P ly hôn; còn đối với Nguyễn Hồng C, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Mỹ X, sinh năm 1994 đã thành niên, đủ 18 tuổi, tự lao động sinh sống được, bà D không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

- Về tài sản chung và về nợ chung: Theo bà D vợ chồng không tranh chấp tài sản chung; không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bà D về tài sản chung và nợ như trên, Tòa án đã nêu trong Thông báo về việc thụ lý vụ án để ông P biết, nhưng đến nay ông P không có ý kiến gì phản bác ý kiến của bà D và cũng không có yêu cầu gì khác. Như vậy, khi Tòa án giải quyết vụ án này thì các đương sự (bà D, ông P) không có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Đoàn Thị D có đơn yêu cầu xin ly hôn nên bà D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: Cho bà Đoàn Thị D ly hôn ông Nguyễn Văn P.

2 - Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 24/9/2003 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng (*đúng theo nguyện vọng của Nguyễn Thị Mỹ H*), ông P không cấp dưỡng nuôi con cùng bà D sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về tài sản chung và về nợ chung: Không xem xét.

4 - Về án phí: Bà Đoàn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006478 ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh; bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 13/11/2019); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đ;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Mỹ Linh